

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

## BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Thế Bảo

2. Ngày tháng năm sinh: 29/12/1972; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Tân Thạnh Tây, Củ Chi Tp.HCM

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 33 Nguyễn Huy Tụ, P. Dakao Q1, Tp.HCM

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 7/2 Lý Chính Thắng P. Võ Thị Sáu Q3, Tp.HCM

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0908282400;

E-mail: ptbao@sgu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,1995 đến tháng, năm 11,2018: giảng viên, trưởng bộ môn, phó khoa tại Khoa Toán – Tin học Trường Đại học KHTN Tp.HCM

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ Thông tin, ĐH Sài Gòn

Địa chỉ cơ quan: 273 An Dương Vương, Q5, Tp.HCM

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): không có hợp đồng thỉnh giảng

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 31 tháng 8 năm 1995, số văn bằng: A13478, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học tôpô; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Tổng hợp Tp.HCM, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 14 tháng 7 năm 2001, số văn bằng: 18728, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Khoa học Tự nhiên Tp.HCM, Việt Nam
- Được cấp bằng TS [5] ngày 27 tháng 4 năm 2010, số văn bằng: 248, ngành: Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Tp.HCM, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 1 tháng 11 năm 2013, ngành: Công Nghệ Thông Tin

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sài Gòn

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Xử lý ảnh, nhận dạng mẫu,
- Tính toán thông minh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Bộ; 3 đề tài NCKH cấp Cơ sở; 2 đề tài NCKH cấp Khác;
- Đã công bố (số lượng) 95 bài báo khoa học, trong đó 45 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 8, trong đó 8 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| TT | Tên khen thưởng                                                                                           | Cấp khen thưởng                      | Năm khen thưởng |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------|
| 1  | Có thành tích hướng dẫn sinh viên có công trình đạt giải nhất giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” | Bằng khen của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo | 2002            |

|    |                                                                                                   |                                                |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------|
| 2  | Có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, tham gia “giải thưởng khoa học sinh viên – Euréka” | Bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân Tp.HCM           | 2006 |
| 3  | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ                                                                      | Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp.HCM | 2013 |
| 4  | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ                                                                      | Đại học Khoa học Tự nhiên Tp.HCM               | 2015 |
| 5  | Chiến sỹ thi đua Đại học Quốc gia Tp.HCM                                                          | Đại học Quốc gia Tp.HCM                        | 2017 |
| 6  | Chiến sỹ thi đua cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                       | Bộ Giáo dục và Đào tạo                         | 2018 |
| 7  | Có thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học                                             | Bằng khen của Ban chấp hành Thành Đoàn Tp.HCM  | 2017 |
| 8  | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ                                                                      | Giám đốc Đại học Quốc gia Tp.HCM               | 2018 |
| 9  | Hướng dẫn sinh viên đạt giải nhất                                                                 | Trường Đại học Sài Gòn                         | 2020 |
| 10 | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ                                                                      | Đảng bộ Đại học Sài Gòn                        | 2021 |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

| TT       | Tên kỷ luật | Cấp ra quyết định | Số quyết định | Thời hạn hiệu lực |
|----------|-------------|-------------------|---------------|-------------------|
| Không có |             |                   |               |                   |

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 25 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học     | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức (*) |
|-----------------|-------------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----|----------------------------------------------------------------|
|                 |             | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                        | SĐH |                                                                |
| 1               |             |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                                |
| 2               |             |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                                |
| 3               |             |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                                |
| 03 năm học cuối |             |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                                |
| 4               | 2018 – 2019 | 1                         | 1   |                                    | 2                                       | 180                                       | 45  | 425                                                            |
| 5               | 2019 – 2020 | 2                         |     | 2                                  |                                         | 150                                       | 60  | 480                                                            |
| 6               | 2020 – 2021 | 2                         |     | 1                                  | 2                                       | 150                                       | 60  | 445                                                            |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Anh ngữ

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ĐH Khoa học Tự nhiên Tp.HCM, Việt Nam và Tokyo University of Agriculture and Technology, Japan

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ đại học đại cương - chuyên ngành anh văn

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc<br>HVCH/<br>CK2/ BSNT | Đối tượng |                       | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời gian<br>hướng dẫn từ<br>... đến ... | Cơ sở<br>đào tạo                             | Ngày,<br>tháng,<br>năm được<br>cấp<br>bằng/có<br>quyết<br>định cấp<br>bằng |
|----|------------------------------------------|-----------|-----------------------|--------------------------|-----|------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|    |                                          | NCS       | HVCH/<br>CK2/<br>BSNT | Chính                    | Phụ |                                          |                                              |                                                                            |
| 1  | Dương Việt<br>Hằng                       | X         |                       | X                        |     | 09/2014 đến<br>11/2017                   | National<br>Central<br>University,<br>Taiwan | 11/2017                                                                    |
| 2  | Lê Trọng<br>Ngọc                         | X         |                       |                          | X   | 09/2014 đến<br>09/2017                   | Đại học<br>Khoa học<br>Tự nhiên<br>Tp.HCM    | 2020                                                                       |

*Ghi chú:* Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT | Tên sách | Loại<br>sách<br>(CK,<br>GT, TK,<br>HD) | Nhà xuất<br>bản và<br>năm xuất<br>bản | Số<br>tác<br>giả | Chủ<br>biên | Phản<br>biên<br>soạn<br>(từ<br>trang<br>...<br>đến<br>trang) | Xác nhận của cơ<br>sở GDDH (Số<br>văn bản xác<br>nhận sử dụng<br>sách) |
|----|----------|----------------------------------------|---------------------------------------|------------------|-------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
|----|----------|----------------------------------------|---------------------------------------|------------------|-------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|

| Trước khi được công nhận PGS/TS |                                             |    |                                       |   |    |  |  |
|---------------------------------|---------------------------------------------|----|---------------------------------------|---|----|--|--|
| 1                               | DirectX và Lập trình cho Camera             | CK | NXB Lao động Xã hội, năm 2005         | 1 | MM |  |  |
| 2                               | Bảo mật lập trình mạng trong Java 2         | CK | NXB Thống kê, năm 2005                | 1 | MM |  |  |
| 3                               | Viết một bài báo khoa học như thế nào?      | CK | NXB Lao động Xã hội, năm 2008         | 1 | MM |  |  |
| 4                               | Microsoft Windows 2000s Cài đặt và Quản trị | GT | NXB Mũi Cà Mau, năm 2004              | 1 | MM |  |  |
| 5                               | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật              | GT | NXB Đại học quốc gia Tp.HCM, năm 2013 | 1 | MM |  |  |
| Sau khi được công nhận PGS/TS   |                                             |    |                                       |   |    |  |  |

|   |                                                                            |    |                                                   |   |    |                                                                                                                                                                                                |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------|---|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 6 | Tính toán số và Matlab<br>– Phần cơ bản                                    | GT | NXB Đại<br>học quốc<br>gia<br>Tp.HCM,<br>năm 2014 | 2 | CB | (mục<br>1.1,<br>từ<br>trang<br>1 –<br>77;<br>mục<br>3.1 –<br>3.8,<br>từ<br>trang<br>188 –<br>254;<br>mục<br>3.10,<br>trang<br>270 –<br>302;<br>mục<br>4.1 –<br>4.9,<br>trang<br>303 –<br>358.) |  |
| 7 | Tính toán số và Matlab<br>– Phần nâng cao                                  | GT | NXB Đại<br>học quốc<br>gia<br>Tp.HCM,<br>năm 2016 | 2 | CB | (mục<br>5.4 –<br>8.6,<br>trang<br>20 –<br>285.)                                                                                                                                                |  |
| 8 | Objective-C Ngôn Ngữ<br>Lập Trình Thiết Bị Di<br>Động Trên Nền Tảng<br>iOS | GT | NXB<br>Phương<br>Đông,<br>năm 2016                | 1 | MM |                                                                                                                                                                                                |  |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 3 ( [6] [7] [8] )

Lưu ý:

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT                              | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                               | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện       | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------|---------------------------|---------------------------------------------------|
| Trước khi được công nhận PGS/TS |                                                                                              |           |                      |                           |                                                   |
| 1                               | Nghiên cứu thuật toán phát hiện sự thay đổi của đối tượng và định vị trong dãy ảnh liên tiếp | CN        | 360/HĐ-SKHCM, cấp Bộ | 1/12/2004 đến 1/12/2005   | (9,5,2012)/đạt                                    |
| 2                               | Xác định khuôn mặt người trong ảnh màu bằng logic mờ                                         | CN        | Cơ sở, cấp Cơ sở     | 09/01/2008 đến 09/01/2009 | (09,01,2009)/Tốt                                  |
| 3                               | Chương trình chấm bài tự động các môn thực hành tin học của Khoa Toán – Tin học              | CN        | T2009-2, cấp Cơ sở   | 1/2/2009 đến 1/2/2010     | (24,3,2011)/tốt                                   |



|                               |                                                                                                           |    |                           |                           |                     |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------|---------------------------|---------------------|
| 4                             | Ứng dụng Toán – Tin học trong các ngành Sinh học và Môi trường                                            | TK | B2009-18-02, cấp Khác     | 1/7/2009 đến 1/7/2010     | (06,11,2010)/khá    |
| 5                             | Áp dụng Matlab trong nghiên cứu và tăng cường năng lực giảng dạy toán Đại học                             | TK | B2009-18-01, cấp Khác     | 1/3/2009 đến 1/3/2010     | (9,9,2010)/xuất sắc |
| Sau khi được công nhận PGS/TS |                                                                                                           |    |                           |                           |                     |
| 6                             | Xây dựng hệ thống mô hình Toán học hỗ trợ giáo viên và học sinh khiếm thị dạy và học Toán                 | CN | 2016/Sở KHCN, cấp Bộ      | 12/10/2016 đến 12/10/2017 | (24,10,2017)/Đạt    |
| 7                             | Xây dựng công cụ hỗ trợ trích xuất tự động vùng chất xám, vùng chất trắng và vùng dịch não từ ảnh não MRI | CN | 43/2019/HDQPTKHCN, cấp Bộ | 1/10/2019 đến 1/10/2020   | (18,1,2021)/tốt     |

|   |                                                                                       |    |                         |                          |                          |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 8 | Ứng dụng<br>nhận dạng<br>giọng nói<br>tiếng Việt<br>trong trường<br>thuật phòng<br>mỏ | TK | CS2019-31, cấp Cơ<br>sở | 1/9/2019 đến<br>1/9/2020 | (12,10,2020)/xuất<br>sắc |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|--------------------------|--------------------------|

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT                              | Tên bài<br>báo/báo cáo<br>KH                                                                                                      | Số<br>tác<br>giả | Là<br>tác<br>giả<br>chính | Tên tạp chí hoặc<br>kỷ yếu khoa<br>học/ISSN hoặc<br>ISBN                                                  | Loại Tạp<br>chí quốc<br>tế uy tín:<br>ISI,<br>Scopus<br>(IF, Qi) | Số<br>lần<br>trích<br>dẫn<br>(không<br>tính<br>tự<br>trích<br>dẫn) | Tập,<br>số,<br>trang | Tháng,<br>năm<br>công<br>bố |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|
| Trước khi được công nhận PGS/TS |                                                                                                                                   |                  |                           |                                                                                                           |                                                                  |                                                                    |                      |                             |
| 1                               | Tự động hóa<br>tính toán ảnh<br>hưởng của<br>địa hình lên<br>mức độ ô<br>nhiễm bản<br>không khí<br>(phần mềm<br>CAP VER.<br>1.25) | 2                | Có                        | Tuyển tập các công<br>trình nghiên cứu<br>khoa học và<br>chuyển giao công<br>nghệ Viện Cơ Học<br>Ứng Dụng |                                                                  |                                                                    | 115 –<br>122         | 09/1998                     |

|   |                                                                                        |   |    |                                                                                                                                          |  |  |              |         |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------|---|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------|---------|
| 2 | Mô phỏng ô nhiễm trên biển trong công nghệ GIS (phần mềm computing pollution ver. 1.0) | 3 | Có | Tạp chí phát triển khoa học công nghệ ĐHQG Tp.HCM                                                                                        |  |  | 3, 107 – 112 | 09/2000 |
| 3 | Bài toán xử lý và phân tích để đếm các đối tượng ảnh hai chiều                         | 3 | Có | Tạp chí phát triển khoa học công nghệ ĐHQG Tp.HCM                                                                                        |  |  | 6, 50 – 55   | 08/2003 |
| 4 | Fast Multi-Face Detection in Color Images Using Fuzzy Logic                            | 3 | Có | Proceedings of the 2005 International Symposium on Intelligent Signal Processing and Communications Systems, IEEE CNF ISBN:0-7803-9266-3 |  |  | 1, 777 – 780 | 12/2005 |
| 5 | Image processing using topological optimization                                        | 1 | Có | Tạp chí phát triển khoa học công nghệ ĐHQG Tp.HCM                                                                                        |  |  | 8, 82 – 87   | 05/2005 |

|   |                                                                                                     |   |    |                                                                                                                                                    |  |  |               |         |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------|---------|
| 6 | Fast Multi-Face Detection Using Facial Component Based Validation by Fuzzy Logic                    | 1 | Có | Proceedings of the 2006 International Conference on Image Processing, Computer Vision, and Pattern Recognition, Las Vegas, USA ISBN: 1-932415-93-9 |  |  | II, 403 – 407 | 06/2006 |
| 7 | Analysis Skin Color by PCA and Relations in YCbCr Color Space                                       | 1 | Có | Proceedings of the 21st International Technical Conference on Circuits/Systems, Computers and Communications ISBN: 974-94418-8-5                   |  |  | I, 329 – 332  | 07/2006 |
| 8 | Building A Good Image from Two Color Images of Camera Model Using GA and Discrete Wavelet Transform | 2 | Có | Proceedings of advances in Information and Communication Technologies ISBN: 9780230634374                                                          |  |  | 245 – 250     | 12/2007 |
| 9 | Combining Skin Color and An New Nude Feature Type for Detecting A Nude Image                        | 2 | Có | Proceedings of international Conference on Power Control and Optimization ISBN: 9780735405813                                                      |  |  | 123 – 128     | 07/2008 |

|    |                                                                                                               |   |    |                                                                                                                                                                         |  |  |                   |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------|---------|
| 10 | Xác định<br>khuôn mặt<br>người trong<br>ảnh màu<br>bằng logic mờ                                              | 3 | Có | Tạp Chí Thông<br>Tin, Khoa Học<br>Công Nghệ Của Bộ<br>Thông Tin và<br>Truyền Thông<br>ISSN: 0866-7039                                                                   |  |  | 3, 20,<br>76 – 83 | 10/2008 |
| 11 | Hiding<br>Facial<br>Information<br>in Color<br>Image                                                          | 3 | Có | Proceedings of<br>2008 IEEE<br>International<br>Conference On<br>Networking,<br>Sensing and<br>Control –<br>ICNSC08<br>ISBN:978-1-4244-<br>1685-1                       |  |  | I, 895 –<br>899   | 04/2008 |
| 12 | A New<br>Approach To<br>Hand<br>Tracking<br>And Gesture<br>Recognition<br>By A New<br>Feature Type<br>And HMM | 3 | Có | Proceedings of the<br>6th International<br>Conference on<br>Fuzzy Systems and<br>Knowledge<br>Discovery –<br>FSKD'09<br>ISBN:978-0-7695-<br>3735-1                      |  |  | 3 – 6             | 08/2009 |
| 13 | A New<br>Approach to<br>Mouth<br>Detection<br>Using Neural<br>Network                                         | 2 | Có | Proceedings of<br>2009 IITA<br>International<br>Conference on<br>Control,<br>Automation News<br>and Systems<br>Engineering –<br>CASE 2009<br>ISBN:978-0-7695-<br>3728-3 |  |  | 616 –<br>619      | 07/2009 |

|    |                                                                                                                                              |   |       |                                                                                                                                                                   |  |  |                |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------|---------|
| 14 | Xây dựng<br>những bữa ăn<br>dinh dưỡng<br>tại trường<br>mầm non<br>bằng logic<br>mở kết hợp<br>mạng nơron<br>và máy học                      | 4 | Có    | Tạp Chí Khoa Học<br>Giáo Dục Kỹ Thuật<br>ISSN: 1859-<br>1272figure                                                                                                |  |  | 15, 65<br>– 73 | 01/2010 |
| 15 | A New<br>CBIR System<br>Using SIFT<br>Combined<br>with Neural<br>Network and<br>Graph-Based<br>Segmentation                                  | 4 | Không | Proceedings of the<br>2nd Asian<br>Conference on<br>Intelligent<br>Information and<br>Database Systems<br>– ACIIDS 2010,<br>LNAI 5990. ISBN:<br>978-3-642-12144-9 |  |  | 294 –<br>301   | 03/2010 |
| 16 | Shot<br>Detection<br>Using<br>Histogram<br>Comparison<br>and Image<br>Subtraction                                                            | 4 | Có    | The First<br>International<br>Workshop on<br>Nonlinear System<br>and Advanced<br>Signal Processing                                                                |  |  | 28             | 09/2010 |
| 17 | Xác Định Vị<br>Trí Các<br>Support<br>Structure Từ<br>Tín Hiệu<br>Sensor Của<br>Các Ống Dẫn<br>Nhiệt Trong<br>Lò Phản Ứng<br>Điện Hạt<br>Nhân | 6 | Không | Kỷ yếu Hội Thảo<br>Khoa Học Quốc Tế<br>Giải Tích Và Toán<br>Ứng Dụng                                                                                              |  |  | 419 –<br>430   | 03/2011 |

|    |                                                                                       |   |       |                                                                                                                      |                 |  |                 |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--|-----------------|---------|
| 18 | Automatic Spine Extraction in Posteroanterior Radiographs Based on Spine's Features   | 3 | Có    | Proceedings of the 4rd International Conference on the Development of Biomedical Engineering ISBN: 978-3-642-32182-5 |                 |  | 374 – 378       | 07/2013 |
| 19 | Detection of Cerebral Vessels Based on Non-Subsampled Contourlet Transform            | 4 | Có    | Journal Advanced Science, Engineering and Medicine                                                                   | uy tín          |  | 1 – 6           | 04/2012 |
| 20 | Video Retrieval using Histogram and Sift Combined with Graph-based Image Segmentation | 6 | Không | Journal of Computer Science (ISL international Journal – cũ)                                                         | uy tín - Scopus |  | 8, 6, 853 – 858 | 03/2012 |
| 21 | Principal Objects Detection Using Graph-Based Segmentation and Normalized Histogram   | 2 | Có    | International Journal of Computer Science Issues                                                                     | uy tín          |  | 47 – 49         | 01/2012 |

|                               |                                                                                                                                       |   |    |                                                                                                                              |  |  |              |         |
|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------|---------|
| 22                            | Dùng Đặc<br>Trung Gabor<br>Kết Hợp<br>Adaboost và<br>k-mean<br>Trong Bài<br>Toán Nhận<br>Dạng Mặt<br>Người                            | 2 | Có | Tạp Chí Khoa Học,<br>Đại Học Sư Phạm<br>Tp.HCM ISSN:<br>1959-3100                                                            |  |  | 4 – 14       | 02/2013 |
| 23                            | On the<br>Computation<br>of<br>Hypergeometric<br>Functions of<br>Matrix<br>Arguments                                                  | 3 | Có | Proceedings of<br>International<br>Conference<br>Statistics & its<br>Interactions with<br>Other Disciplines,<br>2013         |  |  | 4 – 14       | 06/2013 |
| Sau khi được công nhận PGS/TS |                                                                                                                                       |   |    |                                                                                                                              |  |  |              |         |
| 24                            | An Adaptive<br>3D U-Net for<br>White<br>Matter, Gray<br>Matter and<br>Cerebrospinal<br>Fluid<br>Segmentation<br>from 3D-<br>Brain MRI | 5 | Có | The conference 5th<br>International<br>Conference on<br>Machine Learning<br>and Soft<br>Computing ISBN:<br>978-1-4503-8761-3 |  |  | 121 –<br>123 | 01/2021 |
| 25                            | Micro-<br>Expression<br>Recognition<br>Based on The<br>Fusion<br>Between<br>Optical Flow<br>and Dynamic<br>Image                      | 3 | Có | The conference 5th<br>International<br>Conference on<br>Machine Learning<br>and Soft<br>Computing ISBN:<br>978-1-4503-8761-3 |  |  | 115 –<br>120 | 01/2021 |



|    |                                                                                                                                      |   |       |                                                                                                                                                          |  |  |              |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------|---------|
| 26 | Xác Định<br>Biên U Gan<br>Trong Ảnh<br>Cộng Hưởng<br>Từ Ổ Bụng<br>Ba Chiều Sử<br>Dụng Thuật<br>Toán Học<br>Nhanh Thông<br>Tin Cục Bộ | 4 | Không | Hội nghị Nghiên<br>cứu cơ bản và ứng<br>dụng Công nghệ<br>thông tin<br>(Fundamental and<br>Applied IT<br>Research – FAIR)<br>ISBN: 978-604-<br>913-915-4 |  |  | 546 –<br>551 | 06/2019 |
| 27 | Xác Định<br>Thứ Tự<br>Chuỗi Ảnh<br>Theo Thời<br>Gian Cho<br>Ảnh 4DCT<br>Phổ Dùng<br>Thuật Toán<br>Demons                             | 4 | Không | Hội Nghị Vật Lý Y<br>Khoa Toàn Quốc<br>Lần Thứ 3,<br>Tp.HCM ISBN:<br>978-6-0473-6289-9                                                                   |  |  | 155 –<br>160 | 08/2018 |
| 28 | A New<br>Constrained<br>Nonnegative<br>Matrix<br>Factorization<br>for Facial<br>Expression<br>Recognition                            | 4 | Không | 2017 IEEE<br>International<br>Conference on<br>Orange<br>Technologies<br>(ICOT) ISBN: 978-<br>1-5386-3277-2                                              |  |  | 79 – 82      | 12/2017 |

|    |                                                                                                                     |   |       |                                                                                               |  |  |           |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------|---------|
| 29 | Cải tiến thuật toán geodesic active contour, ứng dụng vào việc xác định kích thước gan từ ảnh cộng hưởng từ 3 chiều | 4 | Không | Hội thảo Quốc gia lần thứ XX – Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và Truyền thông |  |  |           | 11/2017 |
| 30 | Face recognition based on hybrid Contourlet features with Bayesian network                                          | 3 | Có    | International Conference on Video and Image Processing (ICVIP 2017) ISBN: 978-1-4503-5383-0   |  |  | 73 – 77   | 12/2017 |
| 31 | Demo: Fusing Mobile Sensors for Paper Keyboard On-the-Go                                                            | 7 | Không | ACM MobiSys 2017 Demo ISBN: 978-1-4503-4928-4                                                 |  |  | 183       | 06/2017 |
| 32 | Real Time Validating the Accuracy of Physiotherapy Exercises                                                        | 5 | Có    | IEEE International Conference on Consumer Electronics – Taiwan ISBN:978-1-5090-4018-6         |  |  | 329 – 330 | 06/2017 |

|    |                                                                                  |   |       |                                                                                                                     |  |  |           |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------|---------|
| 33 | Exemplar-Embed Complex Matrix Factorization For Facial Expression Recognition    | 7 | Không | The 42nd International Conference on Acoustics, Speech and Signal Processing (ICASSP2017)<br>ISBN:978-1-5090-4118-3 |  |  | 1837–1841 | 03/2017 |
| 34 | Spatial dispersion constrained NMF for monaural source separation                | 6 | Không | The 10th International Symposium on Chinese Spoken Language Processing, (ISCSLP 2016)<br>ISBN:978-1-5090-4295-1     |  |  | 1 – 4     | 10/2016 |
| 35 | Constructing Virtual Mouse Based On Two Cameras Model                            | 3 | Có    | International Symposium Intelligent Systems and Applications 2016 (ISA2016)                                         |  |  |           | 07/2016 |
| 36 | Finger Bones Segmentation from X-Ray Images using ASM with Hand Feature Position | 2 | Có    | International Symposium Intelligent Systems and Applications 2016 (ISA2016)                                         |  |  |           | 07/2016 |

|    |                                                                                                                                 |   |       |                                                                                                                          |  |  |           |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------|---------|
| 37 | Identifying Species based on Relative Synonymous Codon Pair Usage combining K – means and SVM – An Application for Bacillus     | 4 | Có    | International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication - ACM IMCOM 2016 ISBN: 978-1-4503-4142-4 |  |  | 1 – 6     | 01/2016 |
| 38 | Preparation of an Unconstrained Vietnamese Online Handwriting Database and Recognition Experiments by Recurrent Neural Networks | 4 | Không | 15th International Conference on Frontiers in Handwriting Recognition (ICFHR 2016) ISBN:978-1-5090-0982-4                |  |  | 144 – 149 | 10/2016 |
| 39 | NMF-Based Image Segmentation                                                                                                    | 5 | Không | 2016 IEEE International Conference on Consumer Electronics - Taiwan (ICCE-TW) ISBN:978-1-5090-2074-4                     |  |  | 1 – 2     | 05/2016 |
| 40 | A Vietnamese Online Handwriting Database                                                                                        | 4 | Không | The 2015 Fourth ICT International Student Project Conference                                                             |  |  |           | 05/2015 |

|    |                                                                                                                    |   |    |                                                                                                  |  |  |           |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------|---------|
| 41 | Novel Methods to Protein Mutation Prediction Based on Naïve Bayes Classifier – An Application in Influenza A Virus | 3 | Có | International Conference in Bioinformatics & Genomic Medicine                                    |  |  |           | 07/2015 |
| 42 | Liver Segmentation from 3D Abdominal CT Images                                                                     | 4 | Có | IEEE International Conference On Consumer Electronics (IEEE 2015 ICCE)<br>ISBN:978-1-4799-8745-0 |  |  | 342 – 343 | 06/2015 |
| 43 | Human Detection And Tracking Under Complex Poses Using Poselet With Particle Filters                               | 4 | Có | 8th International Collaboration Symposium on Information, Production and Systems (ISIPS), 2014   |  |  |           | 11/2014 |
| 44 | Face Recognition using Global and Local Features based on Contourlet and Adaboost                                  | 4 | Có | International Symposium on Information Technology Convergence (ISITC), 2014<br>ISSN: 2287- 4348  |  |  |           | 10/2014 |

|    |                                                                                                   |   |       |                                                                                                                                              |                                   |  |           |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|-----------|---------|
| 45 | Liver segmentation on 3D MR images using the fast marching method and canny-edge level set        | 3 | Không | International Symposium on Information Technology Convergence (ISITC), 2014<br>ISSN: 2287- 4348                                              |                                   |  |           | 10/2014 |
| 46 | An Overview of Kernel Based Nonnegative Matrix Factorization                                      | 4 | Không | 2014 IEEE International Conference on Orange Technologies (ICOT) , 2014<br>ISBN:978-1-4799-6284-6                                            |                                   |  | 227 – 231 | 09/2014 |
| 47 | Identification of Bacillus species using Support Vector Machine and Codon Pair Relative Frequency | 3 | Không | The 8th International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication, ACM IMCOM (ICUIMC), 2014<br>ISBN: 978-1-4503-2644-5 |                                   |  | 105 – 109 | 01/2014 |
| 48 | Stock-Price Forecasting Based on XGBoost and LSTM                                                 | 5 | Có    | The Computer Systems Science and Engineering Journal                                                                                         | uy tín - SCIE<br><b>IF: 1.486</b> |  | 1 – 10    | 05/2021 |

|    |                                                                                                                                                        |   |    |                                                               |                                      |  |              |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--|--------------|---------|
| 49 | Yielding<br>Multi-Fold<br>Training<br>Strategy for<br>Imbalanced<br>Weeds Image<br>Classification                                                      | 4 | Có | Applied Sciences                                              | uy tín -<br>SCIE<br><i>IF: 2.679</i> |  | 1 – 28       | 04/2021 |
| 50 | Coronary<br>Vessel<br>Segmentation<br>by Coarse-to-<br>Fine Strategy<br>using U-Nets                                                                   | 6 | Có | BioMed Research<br>International<br>Journal                   | uy tín -<br>SCIE<br><i>IF: 3.411</i> |  | 1 – 10       | 04/2021 |
| 51 | The<br>Extended<br>Kullback -<br>Leibler<br>Divergence<br>Measure in<br>the Unknown<br>Probability<br>Density<br>Function<br>Cases and<br>Applications | 3 | Có | Int. J. of Intelligent<br>Information and<br>Database Systems | uy tín -<br>Scopus                   |  |              | 04/2021 |
| 52 | Convolutional<br>Recurrent<br>Neural<br>Network with<br>Attention for<br>Vietnamese<br>Speech to<br>Text Problem<br>in the<br>Operating<br>Room        | 5 | Có | Int. J. of Intelligent<br>Information and<br>Database Systems | uy tín -<br>Scopus                   |  | 294 –<br>314 | 04/2021 |

|    |                                                                                                                   |   |       |                                                         |                                   |  |                 |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|-----------------|---------|
| 53 | Facial Expression Recognition Using Multi-deep Convolutional Neural Network Encoders with Support Vector Machines | 3 | Có    | International Journal of Machine Learning and Computing | uy tín                            |  |                 | 09/2021 |
| 54 | Bioactive Compounds in Anti-Diabetic Plants: From Herbal Medicine to Modern Drug Discovery                        | 3 | Không | Biology journal                                         | - SCIE<br><i>IF: 5.079</i>        |  | 252 – 283       | 09/2020 |
| 55 | A SWOT Analysis of Human- and Machine Learning-based Embryo Assessment                                            | 7 | Có    | IEEE Access                                             | uy tín - SCIE<br><i>IF: 3.367</i> |  | 227466 – 227481 | 12/2020 |



|    |                                                                                                                                         |   |       |                                                                                               |                                      |  |              |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--|--------------|---------|
| 56 | Tracking<br>Objects<br>Based on<br>Multiple<br>Particle<br>Filters for<br>Multi-Part<br>Combined<br>Moving<br>Directions<br>Information | 3 | Có    | Computational<br>Intelligence and<br>Neuroscience                                             | uy tín -<br>SCIE<br><b>IF: 3.633</b> |  | 1 – 13       | 12/2020 |
| 57 | A New<br>Approach for<br>Real-time Iris<br>Liveness<br>Detection<br>Based on Eye<br>Movement's<br>Features                              | 1 | Có    | International<br>Journal on<br>Electrical<br>Engineering and<br>Informatics, Vol.<br>12 No. 4 | uy tín -<br>Scopus                   |  | 729 -<br>746 | 12/2020 |
| 58 | Alzheimer's<br>Diagnosis<br>Using Deep<br>Learning in<br>Segmenting<br>and<br>Classifying<br>3D Brain MR<br>Images                      | 4 | Không | International<br>Journal of<br>Neuroscience                                                   | uy tín -<br>SCIE<br><b>IF: 2.292</b> |  | 1 – 10       | 11/2020 |

|    |                                                                                                                                                          |   |       |                                                                     |                                   |  |                 |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|-----------------|---------|
| 59 | Complete mitogenome of the noble volute <i>Cymbiola nobilis</i> from the Vietnamese Island of Phú Quốc                                                   | 8 | Không | Journal Mitochondrial DNA Part B                                    | uy tín - SCIE<br><b>IF: 0.658</b> |  | 1661 – 1162     | 03/2020 |
| 60 | Combining 3D Interpolation, Regression, and Body Features to build 3D Human Data for Garment: An application to building 3D Vietnamese Female Data Model | 4 | Có    | International Journal of Advanced Computer Science and Applications | uy tín - Scopus                   |  | 421 – 429       | 01/2020 |
| 61 | Automatically Extract Vertebrae and Compute the Cobb Angle based on Spine'S Features and Adaptive ASMS in Posteroanterior Radiographs                    | 1 | Có    | International Journal of Advanced Computer Science and Applications | uy tín - Scopus                   |  | 10, 12, 64 – 73 | 12/2019 |

|    |                                                                                                                                       |   |       |                                                                |                                   |  |               |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|---------------|---------|
| 62 | Generating Point Cloud from Measurements and Shapes Based on Convolutional Neural Network: An Application for Building 3D Human Model | 4 | Có    | Computational Intelligence and Neuroscience                    | uy tín - SCIE<br><b>IF: 3.633</b> |  | 1 – 15        | 09/2019 |
| 63 | Coronary Vessel Segmentation by Coarse-to-Fine Strategy using Otsu Algorithm and Decimation-Free Directional                          | 6 | Có    | Journal of IKEEE                                               | uy tín                            |  | 557 – 570     | 06/2019 |
| 64 | Adaptive Region Growing for Skull, Brain, and Scalp Segmentation from 3D MRI                                                          | 3 | Không | Biomedical Engineering: Applications, Basis and Communications | uy tín - Scopus                   |  | 31, 5, 1 – 12 | 05/2019 |

|    |                                                                                                                            |   |       |                                                        |        |  |           |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------|--------|--|-----------|---------|
| 65 | White Matter, Gray Matter and Cerebrospinal Fluid Segmentation from Brain 3D MRI Using B-UNET                              | 4 | Không | Lecture Notes in Computational Vision and Biomechanics | uy tín |  | 188 – 195 | 09/2019 |
| 66 | Brain Tumor Segmentation Using Bit-plane and UNET                                                                          | 3 | Không | Lecture Notes in Computer Science, Springer            | uy tín |  | 466 – 475 | 01/2019 |
| 67 | Using genetic algorithm combining adaptive neuro-fuzzy inference system and fuzzy differential equation to optimizing gene | 3 | Có    | MOJ Proteomics Bioinform                               |        |  | 58 – 64   | 02/2018 |
| 68 | Monitoring The Children's Health Status and Forecasting Height with Nutritional Advice                                     | 4 | Có    | Journal of IKEEE                                       | uy tín |  |           | 09/2018 |

|    |                                                                                               |   |       |                                                                 |                                   |  |            |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|------------|---------|
| 69 | Improvement on Monte Carlo Estimation of HPD intervals                                        | 4 | Không | Communications in Statistics-Simulation and Computation journal | uy tín - SCIE<br><b>IF: 1.118</b> |  | 2164 –2180 | 11/2018 |
| 70 | 3D Brain Magnetic Resonance Imaging Segmentation by using Bitplane and Adaptive Fast Marching | 3 | Không | International Journal of Imaging Systems and Technology         | uy tín - SCIE <b>IF: 2</b>        |  | 1 – 8      | 05/2018 |
| 71 | Predicting Protein Transmembrane Regions by Using LSTM Model                                  | 4 | Có    | Significances of Bioengineering & Biosciences (SBB)             |                                   |  | 37 – 43    | 02/2018 |
| 72 | Projective complex matrix factorization for facial expression recognition                     | 7 | Không | EURASIP Journal on Advances in Signal Processing                | uy tín - SCIE <b>IF: 1.63</b>     |  | 1 – 11     | 02/2018 |

|    |                                                                                                                    |   |       |                                                                                                             |                                |  |             |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--|-------------|---------|
| 73 | A Database of Unconstrained Vietnamese Online Handwriting and Recognition Experiments by Recurrent Neural Networks | 4 | Không | Pattern Recognition                                                                                         | uy tín - SCIE <b>IF: 7.74</b>  |  | 291 – 306   | 06/2018 |
| 74 | Statistical Methods of Handling Noise in Data Processing                                                           | 4 | Có    | Annals of Biometrics & Biostatistics                                                                        |                                |  |             | 12/2017 |
| 75 | Content Based Video Retrieval System Using Principal Object Analysis                                               | 4 | Không | Journal of Science – Special Issue Natural Sciences and Technology (Hochiminh city University of Education) |                                |  | 24 – 33     | 09/2017 |
| 76 | A New Approach Of Matrix Factorization On Complex Domain For Data Representation                                   | 7 | Không | IEICE Transactions on Information and Systems                                                               | uy tín - SCIE <b>IF: 0.775</b> |  | 3059 – 3063 | 12/2017 |

|    |                                                                                                                                         |   |       |                                                                                                        |                                            |  |                |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--|----------------|---------|
| 77 | Maximum<br>volume<br>constrained<br>graph<br>nonnegative<br>matrix<br>factorization<br>for facial<br>expression<br>recognition          | 6 | Không | IEICE Transactions<br>on Fundamentals of<br>Electronics,<br>Communications<br>and Computer<br>Sciences | uy tín -<br>SCIE <b>IF:</b><br><b>0.47</b> |  | 3081 –<br>3085 | 12/2017 |
| 78 | Novel<br>Methods to<br>Optimize<br>Gene and<br>Statistic Test<br>for<br>Evaluation –<br>An<br>Application<br>for<br>Escherichia<br>coli | 4 | Có    | BMC<br>BioInformatics                                                                                  | uy tín -<br>SCIE<br><b>IF: 3.169</b>       |  | 1 – 10         | 02/2017 |
| 79 | Liver<br>Intensity<br>Determination<br>in The 3D<br>Abdominal<br>MR Image<br>Using Neural<br>Network                                    | 4 | Không | Journal of Science<br>and Technology –<br>Vietnam                                                      |                                            |  | 98 –<br>105    | 07/2016 |

|    |                                                                                                                                    |   |       |                                       |                                   |  |         |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------|-----------------------------------|--|---------|---------|
| 80 | 3D-Brain MRI Segmentation Based on Improved Level Set by AI Rules and Medical Knowledge Combining 3 Classes-EM and Bayesian Method | 9 | Không | Journal of KIIT                       | uy tín                            |  | 75 – 88 | 03/2016 |
| 81 | Liver Tumor Segmentation from MR Images Using 3D Fast Marching Algorithm and Single Hidden Layer Feedforward Neural Network        | 3 | Không | BioMed Research International Journal | uy tín - SCIE<br><i>IF: 3.411</i> |  | 1 – 8   | 07/2016 |
| 82 | Robust Speaker Verification Using Low-Rank Matrix Recovery and Weighted Sparse Representation Under Total Variability Space        | 5 | Không | Journal of KIIT                       | uy tín                            |  | 59 – 69 | 03/2016 |



|    |                                                                                                                 |   |       |                                                                  |                                   |  |             |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|-------------|---------|
| 83 | A Fusion Approach Based ColorSiFT and Dense Trajectory Features for Video Event Recognition                     | 5 | Không | Journal of KIIT                                                  | uy tín                            |  | 81 – 90     | 03/2016 |
| 84 | Visual Observation Confidence based GMM Face Recognition robust to Illumination Impact in a Real-world Database | 5 | Không | KSII Transactions on Internet and Information Systems            | uy tín - SCIE<br><b>IF: 0.858</b> |  | 1824 – 1845 | 04/2016 |
| 85 | Fully Automated MR Liver Volumetry using Watershed Segmentation Coupled with Active Contouring                  | 5 | Không | International Journal of Computer Assisted Radiology and Surgery | uy tín - SCIE<br><b>IF: 2.924</b> |  | 235 – 243   | 11/2016 |

|    |                                                                                                                                                     |   |    |                                                               |                                   |  |           |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|-----------|---------|
| 86 | Classifying Prostate Cancer Patients Based on Total Prostate-Specific Antigen and Free Prostate-Specific Antigen Features By Support Vector Machine | 4 | Có | Journal of Cancer Research and Therapeutics                   | uy tín - SCIE<br><b>IF: 1.805</b> |  | 818 – 825 | 07/2016 |
| 87 | The System of Classified and Auto-Mark Source Code for Students' Exams                                                                              | 2 | Có | International Journal of Information and Education Technology | uy tín - Scopus                   |  | 522 – 527 | 07/2016 |
| 88 | Iris Recognition by SIFT feature and Level Set                                                                                                      | 3 | Có | Journal of KIIT                                               | uy tín                            |  | 59 – 66   | 06/2016 |
| 89 | 3D Human Face Recognition Using Sift Descriptors of Face's Feature Regions                                                                          | 5 | Có | New Trends in Computational Collective Intelligence           | uy tín                            |  | 117 – 126 | 09/2015 |

|    |                                                                                                                    |   |       |                                                                                        |                                |  |             |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--|-------------|---------|
| 90 | Gesture recognition in cooking video based on image features and motion features using Bayesian Network classifier | 3 | Không | Emerging Trends in Image Processing, Computer Vision and Pattern Recognition, Elsevier | uy tín                         |  | 379 – 392   | 07/2015 |
| 91 | A Novel Method to Predict Highly Expressed Genes Based on Radius Clustering and Relative Synonymous Codon Usage    | 4 | Có    | Journal of Computational Biology                                                       | uy tín - SCIE <b>IF: 1.479</b> |  | 1086 – 1096 | 11/2015 |
| 92 | Fully Automatic Scheme for Measuring Liver Volumes of 3D MR Images                                                 | 3 | Không | Journal Bio-Medical Materials and Engineering (BME)                                    | uy tín - SCIE <b>IF: 1.3</b>   |  | 1361 – 1369 | 08/2015 |

|    |                                                                                                                                           |   |       |                 |        |  |         |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------|--------|--|---------|---------|
| 93 | Brain White Matter Hyperintensities Segmentation of T2-FLAIR MRI Using L*a*b Color Transformation and K-Nearest Neighbor Means Classifier | 4 | Không | Journal of KIIT | uy tín |  | 43 – 51 | 03/2015 |
| 94 | Enhanced Face Recognition by Fusion of Global and Local Features under Varying Illumination                                               | 3 | Không | Journal of KIIT | uy tín |  | 57– 67  | 12/2014 |
| 95 | A Method for Selecting the Most Informative Iris Image from Real Time Video Stream                                                        | 4 | Không | Journal of KIIT | uy tín |  | 61– 67  | 09/2014 |

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 20 ( [48] [49] [50] [51] [52] [53] [55] [56] [57] [60] [61] [62] [63] [68] [78] [86] [87] [88] [89] [91] )

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT       | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----------|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| Không có |                        |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

#### 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT       | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----------|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| Không có |                                                |                 |                    |                             |            |

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

#### 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT       | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| Không có |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi Chú |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|

|   |                                                                                                              |         |                    |                             |                    |                                                                    |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1 | Chương trình Tiến sĩ Cơ sở toán cho tin học (xây dựng, thiết kế mới) tại Khoa Toán – Tin học, ĐH KHTN Tp.HCM | Chủ trì | 994/QĐ-ĐHQG-ĐH&SDH | ĐHQG                        | 994/QĐ-ĐHQG-ĐH&SDH | Bắt đầu tuyển sinh từ 2015                                         |
| 2 | Chương trình nghiên cứu và trao đổi sinh viên cùng ĐH Chonnam, Hàn Quốc                                      | Chủ trì | không có số        | ĐH Khoa học Tự nhiên Tp.HCM | không có số        | đã hoàn tất                                                        |
| 3 | Chương trình nghiên cứu và trao đổi sinh viên cùng ĐH Nông nghiệp và Kỹ thuật Tokyo, Nhật Bản                | Chủ trì | không có số        | ĐH Khoa học Tự nhiên Tp.HCM | không có số        | từ 2016 mỗi năm có 02 sinh viên thực tập 6 tháng và 1 năm tại TUAT |
| 4 | Xây dựng chương trình 2+2 với ĐH Chungnam, Hàn Quốc                                                          | Chủ trì | không có số        | ĐH Khoa học Tự nhiên Tp.HCM | không có số        | đã thực hiện                                                       |
| 5 | Xây dựng chương trình đào tạo khoa học dữ liệu cho công ty PNJ                                               | Chủ trì | 01/2018/HĐV        | Công ty PNJ                 | 01/2018/HĐV        | đã hoàn tất                                                        |

|   |                                                                                                                                |          |             |                             |             |                      |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|-----------------------------|-------------|----------------------|
| 6 | Chỉnh sửa chương trình cao học KHMT Khoa CNTT, ĐH Sài Gòn                                                                      | Tham gia | 201/QĐ-ĐHSG | ĐH Sài Gòn                  | 201/QĐ-ĐHSG | đã hoàn tất          |
| 7 | Chương trình nghiên cứu và trao đổi sinh viên cùng ĐH Chonnam, Hàn Quốc                                                        | Chủ trì  | không có số | ĐH Sài Gòn                  | không có số | đang tiến hành       |
| 8 | Thiết kế chương trình thực tập cho sinh viên trường Tính toán và Công nghệ Thông tin, ĐH Wollongong, Úc về ĐH Sài Gòn thực tập | Chủ trì  | không có số | ĐH Sài Gòn và ĐH Wollongong | không có số | đang tiến hành       |
| 9 | Thiết kế chương trình thực tập cho sinh viên trường Ecole Centrale Marseille, Pháp về ĐH Sài Gòn thực tập                      | Chủ trì  | không có số | ĐH Sài Gòn và ĐH            | không có số | đã và đang thực hiện |

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng): 08 năm

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): 25 năm

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): đủ giờ giảng

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): đủ giờ giảng

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: 03 bài báo: số 20 (Scopus), số 58 (SCIE), số 59 (SCIE)

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☒

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

***Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.***

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: đã đủ

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: đã đủ

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp.HCM, ngày 26 tháng 07 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)



